

Số: 106/2026/QĐ-UBND

Huế, ngày 13 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Huế liên quan đến cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên thông số 24/2023/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 43/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ;

Căn cứ Nghị định số 18/2024/NĐ-CP của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định 207/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, giao dịch điện tử và công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BDTTG của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Huế liên quan đến cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1 Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Huế) về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế xét tặng danh hiệu nghệ nhân Thừa Thiên Huế trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 64/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

“5. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

Điều 13. Nộp và tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng

1. Cá nhân đề nghị xét tặng tự mình hoặc ủy quyền (bằng văn bản) cho cá nhân khác nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy chế này trong thời gian quy định tại Kế hoạch xét tặng danh hiệu Nghệ nhân thành phố Huế).

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm thẩm định hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ sau thẩm định chưa đủ điều kiện giải quyết, cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu trong hồ sơ, Sở Công Thương trả lại hồ sơ cho cá nhân đề nghị xét tặng thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ), để cá nhân lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 43/2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành Quy chế xét tặng giải thưởng Cố đô về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố Huế

“Điều 10. Hồ sơ và quy trình, thủ tục xét tặng Giải thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng:

Tác giả, đồng tác giả hoặc đại diện hợp pháp của công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (theo quy định của kế hoạch từng thời điểm xét tặng giải thưởng).

a) Bản đăng ký đề nghị xét tặng Giải thưởng (bản chính) theo mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

b) Báo cáo tóm tắt công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (bản chính) theo mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

c) Tài liệu chứng minh việc công bố hoặc bản chính văn bản xác nhận kết quả ứng dụng công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

d) Tài liệu khác liên quan đến công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (nếu có).

Khi có yêu cầu, tác giả, đồng tác giả hoặc người đại diện hợp pháp của công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải tạo điều kiện thuận lợi nhất để các thành viên Hội đồng được làm việc trực tiếp với bản gốc của văn bản, tài liệu liên quan đến công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nghị xét tặng Giải thưởng.

2. Quy trình, thủ tục xét tặng Giải thưởng

a) Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ Kế hoạch tổ chức xét tặng Giải thưởng:

- Tổ chức hướng dẫn và thông báo thời hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng;

- Tổ chức tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng;

- Đăng trên Cổng thông tin điện tử thành phố Huế và Trang Thông tin điện tử ngành khoa học và công nghệ thành phố Huế danh sách tác giả, đồng tác giả công trình, tên công trình đề nghị xét tặng Giải thưởng ít nhất 05 ngày làm việc để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng trước khi họp Hội đồng xét tặng Giải thưởng chuyên ngành;

- Tổ chức họp Hội đồng xét tặng Giải thưởng chuyên ngành do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập theo quy định;

- Đăng trên Cổng thông tin điện tử thành phố Huế và Trang Thông tin điện tử ngành khoa học và công nghệ thành phố Huế kết quả xét tặng Giải thưởng ở Hội đồng xét tặng Giải thưởng chuyên ngành trước khi tổ chức Hội đồng xét tặng Giải thưởng thành phố. Thời gian đăng thông tin trên trang thông tin điện tử ít nhất là 05 ngày làm việc để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng;

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Hội đồng, tổ chức họp Hội đồng xét tặng Giải thưởng thành phố;

- Đăng trên Cổng thông tin điện tử thành phố Huế và Trang Thông tin điện tử ngành khoa học và công nghệ thành phố Huế kết quả xét tặng Giải thưởng ở Hội đồng xét tặng Giải thưởng thành phố ít nhất là 05 ngày làm việc trước khi gửi văn bản đề nghị kèm danh sách, biên bản họp Hội đồng xét tặng Giải thưởng thành phố và báo cáo tóm tắt công trình đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xét tặng Giải thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng (02 bản chính) đến Ban Thi đua-Khen thưởng, Sở Nội vụ.

Thời hạn hoàn thành công tác tổ chức xét tặng Giải thưởng ở mỗi cấp Hội đồng trong vòng 30 ngày làm việc tính từ thời điểm kết thúc nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết thủ tục hành chính, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện trả lại hồ sơ kèm văn bản nêu rõ lý do.

- Tiếp nhận và xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh (nếu có);

- Tổ chức tổng kết và trao tặng Giải thưởng;
- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố kết quả xét tặng Giải thưởng, có trách nhiệm báo cáo kết quả xét tặng về Bộ Khoa học và Công nghệ để phục vụ công tác tổng hợp, theo dõi và quản lý.

b) Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ

Tiếp nhận hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng thưởng trong thời hạn 05 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết thủ tục hành chính, Sở Nội vụ thực hiện trả lại hồ sơ kèm văn bản nêu rõ lý do.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế

Xem xét, quyết định việc công nhận Giải thưởng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Ban Thi đua-Khen thưởng, Sở Nội vụ.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình ban hành kèm theo Quyết định số 125/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành quy trình rà soát đối tượng, quy định đối tượng ưu tiên thực hiện Dự án 1, Dự án 2 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn thành phố Huế

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Quy trình rà soát đối tượng hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

1. Ủy ban nhân dân cấp xã được giao vốn thực hiện dự án có trách nhiệm thông báo rộng rãi trong thời gian 05 ngày làm việc về kế hoạch thực hiện hoạt động hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt đến người hoạt động không chuyên trách ở thôn (Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng ban Công tác Mặt trận, Chi hội trưởng các đoàn thể nhân dân, Tổ trưởng Tổ an ninh trật tự cơ sở), hộ gia đình thuộc phạm vi của Chương trình, thông báo trên các phương tiện truyền thông hoặc trang thông tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị, nhà sinh hoạt cộng đồng.

2. Trong thời hạn thông báo, đại diện hộ gia đình nộp 01 bộ hồ sơ gồm Đơn đăng ký được hỗ trợ đất ở/nhà ở/đất sản xuất/nước sinh hoạt (Mẫu 01) trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Trình tự và thời hạn thực hiện rà soát đối tượng: trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của đại diện hộ gia đình. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc sau:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, tổ chức có liên quan thẩm tra, xác minh hồ sơ.

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Văn hoá - Xã hội giao thôn nơi hộ gia đình, cá nhân thường trú tổ chức Hội nghị thôn.

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Phòng Văn hoá - Xã hội, thôn tiến hành Hội nghị thôn. Thành phần tham gia Hội nghị thôn gồm: Cán bộ, công chức cấp xã; Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn; Trưởng ban Công tác Mặt trận; Tổ trưởng Tổ an ninh trật tự cơ sở; Chi hội trưởng các chi hội đoàn thể cấp thôn; các hộ gia đình có đăng ký thực hiện Dự án; các hộ gia đình trong thôn (có sự tham gia của ít nhất 2/3 số hộ gia đình trong thôn). Nội dung: thông qua danh sách đăng ký, rà soát thông tin, thống nhất (bằng hình thức biểu quyết giơ tay) và lập biên bản Hội nghị thôn (Mẫu 02).

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, sau khi nhận được Biên bản Hội nghị thôn, Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chức năng liên quan thẩm định theo quy định tại Điều 5, Điều 7, Điều 9, Điều 11 Thông tư số 05/2025/TT-BD TTG.

đ) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, sau khi nhận được kết quả thẩm định từ Phòng Văn hoá - Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Mẫu 03). Trường hợp hồ sơ đăng ký không đủ điều kiện phê duyệt thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

e) Sau khi có quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức niêm yết công khai trong thời gian 05 ngày làm việc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn, thông báo trên các phương tiện truyền thông hoặc trang thông tin điện tử. Lập Biên bản công khai (Mẫu 06).

Sau thời gian niêm yết công khai, nếu không có khiếu nại, phản ánh thì Ủy ban nhân dân cấp xã trả kết quả đến đại diện hộ gia đình.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Quy trình rà soát đối tượng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã được giao vốn thực hiện dự án có trách nhiệm thông báo rộng rãi trong thời gian 05 ngày làm việc về kế hoạch thực hiện dự án đến người hoạt động không chuyên trách ở thôn (Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng ban Công tác Mặt trận, Chi hội trưởng các đoàn thể nhân dân, Tổ trưởng Tổ an ninh trật tự cơ sở), các hộ gia đình thuộc phạm vi của Chương trình, thông báo trên các phương tiện truyền thông hoặc trang thông tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị, nhà sinh hoạt cộng đồng.

2. Trong thời hạn thông báo đại diện hộ gia đình nộp 01 bộ hồ sơ gồm Đơn đăng ký và cam kết của hộ tự nguyện di chuyển đến điểm bố trí ổn định dân cư (Mẫu 04) trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường/Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Trình tự và thời hạn thực hiện rà soát đối tượng: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của đại diện hộ gia đình. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc sau:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, tổ chức có liên quan thẩm tra, xác minh hồ sơ.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, sau khi tiếp nhận hồ sơ, Phòng Văn hóa - Xã hội tiến hành thẩm tra danh sách, xác định đối tượng và tiến hành thẩm định tại cơ sở. Việc rà soát, xác định đối tượng thụ hưởng phải đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Điều 3 và Điều 14 Thông tư số 05/2025/TT-BD TTG.

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc sau khi nhận kết quả thẩm tra, thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện, bổ sung, điều chỉnh (nếu có) và ban hành quyết định phê duyệt danh sách để triển khai thực hiện theo quy định (Mẫu 05). Trường hợp hồ sơ đăng ký không đủ điều kiện phê duyệt thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

d) Sau khi có quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ bố trí, ổn định dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức niêm yết công khai trong thời hạn 05 ngày làm việc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn, thông báo trên các phương tiện truyền thông hoặc trang thông tin điện tử. Lập Biên bản công khai (Mẫu 06).

Sau thời gian niêm yết công khai, nếu không có khiếu nại, phản ánh thì Ủy ban nhân dân cấp xã trả kết quả đến đại diện hộ gia đình.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 87/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành quy định quản lý xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Huế

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 như sau:

“4. Trước khi khởi công, chủ đầu tư xây dựng công trình phải thực hiện gửi thông báo khởi công xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật số 135/2025/QH15 đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng có thẩm quyền tại địa phương nơi công trình được xây dựng theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố để quản lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 6 như sau:

“a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì kiểm tra, phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật đối với trường hợp doanh nghiệp không phối hợp thực hiện việc chỉnh trang, ngầm hoá hạ tầng kỹ thuật viễn thông hữu tuyến theo quy định.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8 như sau:

“4. Việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm phải tuân thủ theo quy định tại QCVN 01:2026/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 46/2026/TT-BXD.”.

4. Bãi bỏ các khoản

- a) Bãi bỏ khoản 2, 3, 4, 5 Điều 7;
- b) Bãi bỏ khoản 3 Điều 16;
- c) Bãi bỏ khoản 2 Điều 21;
- d) Bãi bỏ khoản 3 Điều 22.

5. Quy định chuyên tiếp

Quy định về xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm xảy ra và kết thúc trước ngày QCVN 01:2026/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 46/2026/TT-BXD có hiệu lực thi hành thì áp dụng theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD.”.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp; Nội vụ; Khoa học và Công nghệ; Công Thương;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND thành phố;
- HĐND; TT. HĐND thành phố;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu VT, KSNC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Mạnh